



## Bài báo nghiên cứu

# NAM KINH BẮC KINH – TRUYỆN THƠ QUỐC NGŨ NAM KỲ CẢI BIÊN TỪ “BỔN CŨ”

**Duong Mỹ Thắm**

*Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Duong Mỹ Thắm – Email: dm.tham@hutech.edu.vn*

*Ngày nhận bài: 14-3-2025; ngày nhận bài sửa: 17-4-2025; ngày duyệt đăng: 28-4-2025*

### TÓM TẮT

Nam Kinh Bắc Kinh là truyện thơ Quốc ngữ được các tác giả cải biên từ truyện thơ Nôm Nam Kinh Bắc Kinh truyền và các ấn phẩm truyện thơ Quốc ngữ đã xuất bản ở Nam Kỳ trước đó. Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu ba ấn phẩm truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ Nam Kinh Bắc Kinh của các tác giả Đặng Lễ Nghi, Nguyễn Bá Thời và Khấu Võ Nghi. Chúng tôi sẽ vận dụng lí thuyết cải biên để phân tích hình thức ấn phẩm, nội dung cốt truyện, ngôn ngữ thơ của các tác phẩm cải biên so với nguyên tác của nó. Kết quả phân tích chủ yếu nhấn mạnh sự sáng tạo của tác giả truyện thơ Quốc ngữ, làm rõ những đóng góp tích cực góp phần tạo nên giá trị mới phù hợp với thời đại của tác phẩm cải biên.

**Từ khóa:** cải biên; Nam Kỳ; truyện thơ; Quốc ngữ

### 1. Mở đầu

Truyện thơ *Nam Kinh Bắc Kinh* là tác phẩm cải biên được các tác giả dựa vào “bổn cũ” để sửa lại “xuôi câu, xuôi vần”, đặt lại lời thơ hoặc sửa lại nội dung cốt truyện tạo nên tác phẩm truyện thơ Quốc ngữ mới. Tác phẩm cải biên được viết bằng chữ Quốc ngữ, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát, xuất bản ở Sài Gòn những thập niên đầu thế kỉ XX. Vậy cải biên là gì? Theo từ điển Oxford cải biên là làm (cái gì đó) phù hợp với cách sử dụng hoặc mục đích mới, cũng có nghĩa là thay đổi, biến đổi, sửa đổi (Oxford Dictionary of English, 2010, p.18). Như vậy, sự thay đổi về hình thức ấn phẩm, lời thơ, nội dung cốt truyện *Nam Kinh Bắc Kinh* không phải ngẫu nhiên mà nó mang lại một giá trị, một ý nghĩa nhất định phù hợp với hoàn cảnh mới.

Theo lí thuyết liên văn bản thì không có bất kì tác phẩm nào ra đời mà không có kết hợp, tái cấu trúc, kết cấu lại các yếu tố tự sự, cốt truyện đã có trước đó và bất kì văn bản nào cũng là liên văn bản. Julia Kristeva lí giải: “bất kì văn bản nào cũng được cấu trúc như một bức khảm các trích dẫn; bất kì văn bản nào cũng là sự hấp thụ và biến đổi các văn bản khác” (Kristeva, 1986, p.37). Giải thích thuật ngữ Liên văn bản, Rjanskaya cho rằng liên văn bản được hiểu như là thuộc tính bản thể của mọi văn bản, tức là được nhận định như là sự xóa nhòa ranh giới giữa các văn bản, giữa văn bản và độc giả, giữa các văn bản và hiện thực

---

**Cite this article as:** Duong, M. T. (2025). *Nam Kinh Bac Kinh: A romanized verse-narrative from Southern Vietnam adapted from traditional scripts. Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(4), 759-769. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.4.4802\(2025\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.4.4802(2025))

(Rjanskaya, 2007). Điều này có nghĩa, lí thuyết liên văn bản cho phép xem xét tác phẩm cải biên như một tác phẩm độc lập vì bản thân tác phẩm được cho là nguyên tác cũng là tác phẩm cải biên từ những tác phẩm trước đó.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Nam cho rằng: “Văn bản có thể gợi mở vô số cách đọc khác nhau. Với tư cách là một cấu trúc mở, văn bản liên tục được tái tạo và diễn giải bởi những người đọc khác nhau qua những cơ tầng văn hóa đa chiều và vô hạn của họ” (Nguyen, 2006, p.18). Về bản chất, tác giả truyện thơ Quốc ngữ cũng là một người đọc. Điểm khác biệt với người đọc thông thường là họ đã giải mã và tái tạo văn bản mới bằng ý thức và sự sáng tạo của cá nhân. Theo đó, truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ *Nam Kinh Bắc Kinh* được xem như một sản phẩm cải biên, và sẽ được khảo sát theo hướng tiếp cận liên văn bản.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cải biên hình thức ấn phẩm

Bắt nguồn từ tác phẩm *Nam Kinh Bắc Kinh* của Đặng Lễ Nghi – một trong những tác phẩm được cải biên từ truyện thơ Nôm *Nam Kinh Bắc Kinh truyện*, chúng tôi tiếp tục nghiên cứu hai tác phẩm *Nam Kinh Bắc Kinh* của Nguyễn Bá Thời và của Khấu Võ Nghi – những tác phẩm cải biên từ *Nam Kinh Bắc Kinh* của Đặng Lễ Nghi và tác phẩm có trước.

*Nam Kinh Bắc Kinh truyện* là tác phẩm được khắc in bằng chữ Nôm, có 1092 câu lục bát xen lẫn với 43 bài tán, vãn, loạn, thán (mỗi bài từ 2 đến 6 câu) và một bức thư với 110 chữ. Hình thức chủ yếu của tác phẩm là thơ lục bát, thỉnh thoảng xen vào vài đoạn hát nam, hát khách của thể loại tuồng nên được gọi là truyện thơ tuồng. Bản Nôm này được nhà nghiên cứu Huỳnh Như Phương sao chụp từ Thư viện Paris (Pháp). Về hình thức xuất bản, ngoài tên tác phẩm được in khổ chữ lớn, ở trang bìa còn thể hiện các thông tin nhà in, người đứng chính, cụ thể: bên phải ghi “Gia Định thành Duy Minh thị đứng chính” (Duy Minh Thị ở thành Gia Định đứng chính); phía dưới ghi “Đề Ngạn đại thị Quảng Thạnh Nam phát thụ” (Nhà in Quảng Thạnh Nam ở Chợ Lớn phát hành); bên trái phía dưới ghi “Việt Đông tỉnh Phật Sơn trấn Cận Văn đường tàng bản” (bản gỗ tàng trữ tại Cận Văn đường ở trấn Phật Sơn tỉnh Việt Đông, tức Đông bộ tỉnh Quảng Đông). Nội dung tác phẩm được in thành 33 tờ, mỗi tờ được xếp thành 20 cột, chỉ tờ đầu có 10 cột và tờ cuối có 11 cột. Các dòng lục bát được xếp dọc từ phải sang trái, câu lục ở trên câu bát ở dưới.

Đầu thế kỉ XX, ở Nam Kỳ người ta biết đến câu chuyện tình yêu thiên định của công chúa Quỳnh Nga và thái tử Bắc Kinh qua tác phẩm truyện thơ Quốc ngữ *Nam Kinh Bắc Kinh* của Đặng Lễ Nghi. Tác phẩm này được Đặng Lễ Nghi soạn lại từ truyện thơ Nôm *Nam Kinh Bắc Kinh truyện*. Trong quá trình lưu hành, truyện thơ Quốc ngữ *Nam Kinh Bắc Kinh* được các tác giả khác viết lại thành những tác phẩm truyện thơ Quốc ngữ *Nam Kinh Bắc Kinh* mới. Hiện nay, chúng tôi tìm thấy ba tác phẩm *Nam Kinh Bắc Kinh* bằng chữ Quốc ngữ của ba tác giả: Đặng Lễ Nghi, Nguyễn Bá Thời và Khấu Võ Nghi. Trong đó, tác phẩm *Nam Kinh Bắc Kinh* của Đặng Lễ Nghi có nội dung trùng khớp với truyện thơ Nôm nhất.

Đặng Lễ Nghi có công biên soạn, chỉnh sửa nhiều câu chữ đều khắp từ đầu đến cuối tác phẩm, thay thế bức thư 110 chữ trong văn bản Nôm thành bài thơ 44 câu thất ngôn, thêm vào đoạn cuối khuyên răn người đời. Tác phẩm này của Đặng Lễ Nghi (với sự biên tập và xuất bản của Đinh Thái Sơn) được in và tái bản ít nhất 6 lần. Chúng tôi đã tìm được ba ấn phẩm tái bản

lần thứ nhì, lần thứ tư và lần thứ sáu. Bản in lần thứ nhì do Đinh Thái Sơn giữ bản quyền, được nhà in Imp. de l'Union tại Sài Gòn in ấn và nộp lưu chiểu vào ngày 15 tháng 6 năm 1915. Tác phẩm được in 23 trang (kể cả bìa chính, bìa phụ), trong đó có 19 trang thơ, mỗi dòng là 1 cặp thơ lục bát, giá mỗi cuốn thơ là 30 xu. Toàn bộ tác phẩm gồm 1098 câu thơ lục bát, có 49 bài tán, vãn, loạn, thán và một bức thư được viết bằng 44 câu thơ thất ngôn. Bản in lần thứ tư Đinh Thái Sơn đã bán quyền xuất bản cho Phạm Văn Thịnh, được nhà in Xưa Nay tại Sài Gòn in ấn nộp lưu chiểu vào ngày 13 tháng 8 năm 1929. Tác phẩm được in 20 trang (kể cả bìa), trong đó có 18 trang thơ, mỗi dòng là 1 cặp thơ lục bát. Bản in thứ sáu do Phạm Văn Thịnh tái bản vào ngày 03 tháng 01 năm 1930 tại nhà in Xưa Nay. Giữa các bản in có sự phân bố không giống nhau về mặt hình thức văn bản nhưng số lượng câu thơ và nội dung tác phẩm, kể cả giá bán vẫn được chủ bản và nhà in giữ nguyên trong suốt mười lăm năm.

Về hình thức xuất bản, tác phẩm của Đặng Lễ Nghi có sự thay đổi lớn so với truyện thơ Nôm. Trang bìa được trình bày với nhiều thông tin, tên tác phẩm được viết bằng hai loại văn tự chữ Nho và Quốc ngữ, thể hiện đầy đủ tên “tác giả”, “chủ bản” có xen lẫn một số từ tiếng Pháp. Ngoài ra, trên trang bìa còn trình bày số lần in, giá bán, tên nhà in có địa chỉ cụ thể, ngày tháng năm xuất bản, ghi rõ phương thức biên soạn “bản cũ soạn lại” và đặc biệt là có hình ảnh minh họa. Những yếu tố cận văn bản xuất hiện trên tác phẩm cho thấy giai đoạn đầu thế kỉ XX, ở Nam Kỳ công nghệ in hiện đại đã phát triển mạnh mẽ, các văn bản pháp luật về in ấn, xuất bản cũng được nhà cầm quyền Pháp áp dụng tại Nam Kỳ.

Theo chúng tôi, hình minh họa trên trang bìa tác phẩm *Nam Kinh Bắc Kinh* của Đặng Lễ Nghi là một trong những yếu tố tạo nên sự hấp dẫn ban đầu khi tiếp xúc với tác phẩm. Đó là hình ảnh một chiếc thuyền rồng trên biển có hai người phụ nữ một già một trẻ đứng bên mạn thuyền với cử chỉ, thái độ thân thiện, bên trong thuyền có một người phụ nữ khác, dưới nước là hình ảnh một cô gái được cá lớn chở vào hoang đảo, xung quanh có nhiều động vật hoang dã. Tranh bìa này là hai diễn biến tại hai không gian khác nhau minh họa cho nội dung tác phẩm; một bên thể hiện sự vui mừng vì vừa thực hiện thành công âm mưu giết công chúa đoạt duyên, bên còn lại là người bị hại được Lý ngư cứu đưa vào Mao Nguyên.

*Nam Kinh Bắc Kinh* của Đặng Lễ Nghi là một trong những tác phẩm được xuất bản và tái bản nhiều lần để đáp ứng nhu cầu thưởng thức của độc giả từ đầu thế kỉ XX đến những năm 30 của thế kỉ này. Đến năm 1933, tác giả Nguyễn Bá Thời soạn mới và xuất bản truyện thơ *Nam Kinh Bắc Kinh*. Tác phẩm được trình bày ngắn gọn hơn, từ 19 trang thơ có 1098 câu thơ lục bát, rút gọn còn 12 trang với 708 câu thơ lục bát.

Trên trang bìa tác phẩm của Nguyễn Bá Thời, ngoài những thông tin đã có trên trang bìa tác phẩm của Đặng Lễ Nghi, chúng tôi thấy nhà in còn ghi rõ: “cuốn nào không có con dấu riêng của chủ bản, xin quý vị đừng mua”. Khuyến cáo này giúp chúng ta hình dung tình trạng phát triển ồ ạt của công nghệ in hiện đại tại Nam Kỳ đã nảy sinh ra vấn đề in sách lậu, làm thiệt hại kinh tế cho “chủ bản”. Điều này cũng cho thấy công tác quản lí các hoạt động in ấn ở Nam Kỳ giai đoạn này kém hiệu quả nên nhà in hoặc “chủ bản” phải tự mình khuyến cáo độc giả.

Đặt tác phẩm của Nguyễn Bá Thời bên cạnh hai tác phẩm có trước, chúng tôi có thể khẳng định tác giả cải biên đã dựa vào tác phẩm của Đặng Lễ Nghi để soạn mới *Nam Kinh Bắc Kinh*. Thứ nhất, về hình thức xuất bản, tác phẩm của Nguyễn Bá Thời chọn hình ảnh

minh họa là cảnh mẹ con mụ vú trên thuyền rồng và dưới nước là công chúa Quỳnh Nga được Lý ngư đưa vào Mao Nguyên. Qua tranh minh họa trên trang bìa của hai tác phẩm, người đọc có thể thấy tranh minh họa trên tác phẩm Nguyễn Bá Thời kế thừa tác phẩm Đặng Lễ Nghi về ý tưởng, bố cục và những chi tiết nhỏ thể hiện cảnh vật, còn nhân vật được thể hiện với cử chỉ, thái độ và ngoại hình rất khác nhau. Tranh minh họa của tác phẩm Nguyễn Bá Thời là hình ảnh hai người trên thuyền là hai mẹ con mụ vú đang hướng mắt ra biển và hình ảnh người con gái tội nghiệp là công chúa Quỳnh Nga được cá thần chở vào hoang đảo với y phục đầy đủ. Ở đây không phải họa sĩ tự ý thêm áo quần mà chính tác giả Nguyễn Bá Thời xót thương cho công chúa, không nỡ để nàng phải chịu cảnh trần truồng hoặc tác giả thấy hành động “áo quần công chúa lột thân”, “bó tay nhét miệng”, “lại khoét hai mắt” (Dang, 1915, p.8) rồi quăng xuống biển là quá tàn nhẫn và độc ác nên không cần giữ lại các tình tiết cột tay, nhét miệng và lột quần áo của công chúa trong những tác phẩm có trước:

*Công chúa tình thiệt nào hay,  
Mụ vú khoét mắt liện [liệng] rày biển Đông.*

(Nguyễn, 1933, p.4)

So sánh trang bìa tác phẩm của Khấu Võ Nghi với hai truyện thơ Quốc ngữ có trước, chúng tôi thấy một số điểm khác nhau như: tranh minh họa, bổ sung thơ minh họa cho tranh, thêm phương tiện “cầu chứng chính bản”. Khấu Võ Nghi chọn tranh minh họa là cảnh tiều lão đến Bắc Kinh bán ngọc cam và may mắn gặp thái tử trên đường người đi săn. Nếu hai tác phẩm truyện thơ Quốc ngữ có trước chọn tình huống thất nút, mở đầu cho những bất hạnh của nhân vật chính làm tranh bìa cho tác phẩm, thì Khấu Võ Nghi lại chọn tình huống mở nút, đó là cuộc gặp gỡ của tiều lão và thái tử làm tranh minh họa. Không chỉ tranh minh họa, Khấu Võ Nghi còn có câu thơ lục bát minh họa cho ý nghĩa của tranh bìa:

*Thơ nhàn dung trước mặt rồng,  
Họa chững con trẻ thỏa lòng tư lương.*

(Khau, 1939)

Bên cạnh những yếu tố cận văn bản đã được đề cập trong trang bìa của hai tác phẩm có trước, trong tác phẩm của Khấu Võ Nghi còn có những phương tiện khẳng định bản quyền như: “Tous droits réservés”, nghĩa là giữ bản quyền, hoặc “Bản hiệu chỉ mượn một mình nhà in Xưa Nay in mà thôi” và “Cuốn gian không có con ‘đầu nổi’ của nhà in Xưa Nay” (Khau, 1939). Càng nhiều phương tiện “cầu chứng chính bản” càng thể hiện công tác quản lí các hoạt động in ấn xuất bản ở Nam Kỳ giai đoạn này yếu kém, không theo kịp sự phát triển ồ ạt của công nghệ in hiện đại. Những khuyến cáo này chứng tỏ truyện thơ Quốc ngữ là một trong những “sản phẩm” thu hút độc giả ở Nam Kỳ giai đoạn đầu thế kỉ XX.

## **2.2. Cải biên cốt truyện, nhân vật**

*Nam Kinh Bắc Kinh truyện* kể về mối lương duyên tiền định của công chúa Nam Kinh tên là Quỳnh Nga và thái tử Bắc Kinh. Trên đường đưa dâu đến Bắc Kinh, công chúa bị kẻ gian hãm hại, lột quần áo, khoét mắt, và xô nàng xuống biển Đông. Công chúa mù lòa rơi xuống biển được Lý ngư cứu sống. Ba năm lưu lạc ở Mao Nguyên, công chúa may mắn được tiều lão thương xót đưa về chăm sóc như con. Trải qua bao thử thách, được sự giúp sức của tiều lão, cuối cùng thái tử và công chúa Quỳnh Nga cũng sum họp, sống hạnh phúc trọn đời.

Trong tác phẩm của Đặng Lễ Nghi, nhân vật phụ trợ (Tiên, Phật) được sử dụng triệt để nhằm giúp nhân vật chính vượt qua khó khăn. Chi tiết Ngọc hoàng thương cho cảnh mù lòa của công chúa phải lặn lội đường xa nên cử rồng bạch đưa nàng từ Mao Nguyên đến Bắc Kinh, rút gọn hành trình nhiều gian khổ kéo dài trong sáu tháng chỉ còn hai giờ:

*Rồng bèn xuống chốn Mao Nguyên,  
Kề lưng mà chở chúa tiên lên mình.  
Dặm ngàn cách trở lộ trình,  
Không mưa không nắng u minh cả ngày.  
Bộ xem thấy sự lạ thay,  
Đường đi sáu tháng rồng bay hai giờ.*

(Dang, 1915, p.17)

Đến tác phẩm cải biên của Nguyễn Bá Thời, tác giả có những đóng góp rất ý nghĩa thay đổi hình tượng nhân vật chính là công chúa Quỳnh Nga. Thông qua một vài tình tiết, một số câu thoại, tác giả cải biên đã thay đổi tính cách nhân vật, làm cho nhân vật trở nên mạnh mẽ, chủ động và dứt khoát hơn. Từ đầu đến cuối tác phẩm, Nguyễn Bá Thời luôn tìm cách kể lại câu chuyện theo cách ngắn gọn nhất, bỏ những chi tiết không cần thiết, nhưng lại bổ sung nhiều câu nhằm thể hiện tính cách của công chúa Quỳnh Nga:

*Nghe đồn thái tử Bắc Kinh,  
Mặt tuy chưa thấy con sinh lòng hoài.  
Ất là trời định duyên hài,  
Lòng con luống những thương thay kẻ hiền.  
Nay con đành dạ khứng duyên,  
Cầu xin vương phụ tha liền kẻ ngay.*

Hay:

*Ngày nay nên việc tào khương,  
Là dâu thì phải tòng nương bên chồng.  
Xin cha độ lượng khoan hồng,  
Đưa con đến chốn vốn không hại gì.*

(Nguyen, 1933, p.2-3)

Ở tác phẩm của Nguyễn Bá Thời, tính cách của công chúa Quỳnh Nga được tác giả đặc biệt chú ý, nàng mạnh mẽ, có chính kiến khi chọn người chưa biết mặt làm chồng và chủ động đến với tình yêu của mình, không ngại đường xa cách trở. Bị hãm hại phải chịu mù lòa, lưu lạc trong rừng sâu nhưng nàng mạnh mẽ vượt qua khó khăn và trở nên cứng cỏi, trưởng thành hơn. Nàng không nhờ cậy thái tử Bắc Kinh đòi lại đôi mắt như trong tác phẩm có trước mà tự mình ra lệnh cho mục vụ trả mắt cho mình với lời lẽ rất cương quyết và dứt khoát:

*Khoét mắt trông bỏ đâu là,  
Khá mau đem đến cho ta cấp kì.  
Mục vụ nghe đòi ra quỳ,  
Khóc lóc than thở sầu bi giả hình.  
Quỳnh Nga bèn hỏi bạch mình,  
Đôi mắt của mình mi bỏ nơi đâu?*

(Nguyễn, 1933, p.10)

Viết lại tác phẩm *Nam Kinh Bắc Kinh*, Khấu Võ Nghi đã xây dựng tình huống nhân vật chính chủ động vượt qua khó khăn, giảm bớt yếu tố thần kì, thay thế nhân vật phù trợ là lực lượng siêu nhiên bằng nhân vật có thật trong cuộc sống. Trong tác phẩm cải biên, công chúa Quỳnh Nga chủ động cùng mẹ băng rừng lội suối đến Bắc Kinh tìm cha nuôi thay vì ở nhà chờ đợi người của thái tử đến rước:

*Quỳnh Nga thưa với mẹ rằng,  
Tuy là đường xá nhọc nhằn gian nan.  
Nhưng mà bền vững lòng vàng,  
Có đi ắt đến dặm tràng quán bao.*

(Khau, 1939, p.13)

Cuộc hành trình đến Bắc Kinh của người con gái mù cùng mẹ nuôi già yếu gặp nhiều hiểm nguy, trắc trở, “dầm mưa dãi gió”, chịu đói khát tương chừng không thể vượt qua. Song, lòng quyết tâm của Quỳnh Nga đã tiếp sức cho họ tiếp tục, đến khi cả hai mẹ con kiệt sức thì lập tức nhận được sự giúp đỡ của voi – một linh vật thay cho rồng bạch trong tác phẩm có trước. Tuy sự xuất hiện đúng lúc của voi cũng là yếu tố may mắn khác thường nhưng voi là một sinh vật có thật tồn tại trong đời sống nên gần gũi với thực tế.

*Nào dè linh vật cứu người,  
Cúi đầu quỳ mọp giữa nơi lộ tiền.  
Lần lần tỉnh vía lòng yên,  
Cả hai voi đỡ để liền lên lưng.*

(Khau, 1939, p.13)

Sự giúp đỡ này không đưa họ đến đích như trong tác phẩm của Đặng Lễ Nghi mà chỉ giảm bớt một phần khó nhọc cho hai mẹ con, họ chủ yếu vẫn dựa vào bản thân để tồn tại và tiếp tục hành trình tìm chồng, tìm cha. Ở nơi đất khách quê người, lời ca tiếng hát là phương tiện duy nhất để công chúa Quỳnh Nga sinh sống và tìm người thân. Chính giọng ca ai oán, bi thương kể về câu chuyện đời mình, công chúa Quỳnh Nga đã chạm đến trái tim người nghe và gieo vào lòng thái tử Bắc Kinh một nỗi niềm nhớ thương vô hạn. Nhờ đó, họ đã tìm thấy nhau.

*Quỳnh Nga ca đã dứt bài,  
Bao nhiêu thính giả tuôn dài lụy châu.  
Nghe sao gan ruột như bào,  
Nghe sao lòng chẳng khác nào kim châm.*

(Khau, 1939, p.15)

Trong tác phẩm cải biên, Khấu Võ Nghi không lạm dụng yếu tố thần kì, hạn chế sự xuất hiện của lực lượng siêu nhiên, tập trung khai thác khả năng tự vượt qua thử thách của nhân vật chính. Đây là một trong những yếu tố tạo nên sự hấp dẫn cho tác phẩm cải biên, đồng thời đưa tác phẩm gần với hiện thực cuộc sống hơn.

Viết lại *Nam Kinh Bắc Kinh*, Khấu Võ Nghi đặt lại tích truyện, bỏ một số tình tiết mờ nhạt, dài dòng, thay vào đó, tác giả đã khai thác rất chi tiết hành trình từ Mao Nguyên đến Bắc Kinh của công chúa Quỳnh Nga. Hình ảnh nàng công chúa mỏng manh trong cảnh mù lòa, đói khát cùng mẹ nuôi già yếu băng rừng, lội suối đi tìm chồng tìm cha, đã để lại cho

người đọc một niềm thương cảm hơn là những lời trách móc, thở than của hai mẹ con mụ vú, hay những đoạn mang tính tường thuật một sự việc lặp lại nhiều lần. Bên cạnh tình tiết gợi nhiều cảm xúc trên, tác giả cải biên cũng thay đổi một số tình tiết để phù hợp với tâm lí, tình cảm của nhân vật. Đó là sau khi thoát nạn, Quỳnh Nga nhớ cha mẹ ruột nên ngay sau đó đề nghị cùng chồng quay về Nam Kinh thăm cha mẹ chứ không đợi sự sắp xếp của vua Bắc Kinh như trong tác phẩm có trước:

*Quỳnh Nga nhớ đến vua cha,  
Phân cùng thái tử gần xa sự tình.  
Đông cung vào chốn trào đình,  
Tâu xin vương phụ thượng trình Nam Kinh.*

(Khau, 1939, p.18)

Khẩu Võ Nghi tinh tế nhận ra sự bất hợp lí ở vài tình tiết dẫn đến kết cấu truyện lỏng lẻo, thiếu tính logic trong tác phẩm có trước nên khi viết lại tác phẩm cải biên, tác giả thay đổi diễn biến câu chuyện, thêm bớt vài tình tiết để nội dung hấp dẫn, kết cấu chặt chẽ hơn, đặc biệt nhân vật được hành động theo đúng tâm lí tình cảm của họ. Một trong những tình tiết gây cho người đọc khó hiểu trong truyện thơ *Nôm Nam Kinh Bắc Kinh truyện* và truyện thơ Quốc ngữ *Nam Kinh Bắc Kinh* của Đặng Lễ Nghi là sự “biến mất” không có lí do của “mụ sứ thần” – bà mai do vua Bắc Kinh cử đi Nam Kinh cầu hôn cho thái tử. Thật vô lí khi “mụ sứ” là người chủ động đề nghị được rước công chúa Quỳnh Nga về Bắc Kinh, thế nhưng mụ đã ở đâu khi công chúa bị mẹ con mụ vú hãm hại. Mụ là người đã từng gặp công chúa, là nhân chứng có thể vạch trần âm mưu và tội ác của mẹ con mụ vú nhưng lại không lên tiếng trước sự hoài nghi của thái tử. Sự khó hiểu này được Khẩu Võ Nghi giải thích bằng cách xây dựng tình tiết “mụ sứ thần” trở về Bắc Kinh với tình trạng “miệng câm mắt tối”:

*Ngày xưa sai mụ sứ thần,  
Sang qua Nam quốc lãnh [lãnh] phần rước dâu.  
Đến khi mụ sứ về trào,  
Miệng câm mắt tối có sao dị kì.*

(Khau, 1939, p.11)

So với tác phẩm có trước, mẹ con mụ vú trong tác phẩm cải biên độc ác và nham hiểm hơn, không những giết người móc mắt để đoạt duyên mà còn ra tay tàn độc hãm hại nhân chứng. Với những tội ác đã gây ra, mẹ con mụ vú đáng bị trả giá bằng cái chết nhưng tấm lòng nhân từ của công chúa đã mở cho họ con đường sống. Tuy nhiên, tội ác của mẹ con mụ vú quá lớn, con người có thể bỏ qua nhưng đạo Trời không thể dung thứ. Trong tác phẩm có trước, mẹ con mụ vú bị sét đánh chết là sự trừng phạt thích đáng của “ông Trời” dành cho những kẻ độc ác. Cũng trừng phạt bằng cái chết nhưng Khẩu Võ Nghi thực tế hơn khi để mẹ con mụ vú nếm trải nỗi đau khi bị tra tấn, đày đọa thân xác trước khi tự tìm đến cái chết bi thảm:

*Bị hành bị phạt xiết bao,  
Tám thân sống sót khác nào thú lang.*

...  
*Đập đầu vào đá mạng vong,  
Quân đem hài cốt ra sông ném liền.*

(Khau, 1939, p.18)

Sự thay đổi này tuy không lớn nhưng đem lại sự hài lòng cho độc giả và tạo nên một kết cấu chặt chẽ, nội dung gần với cuộc sống hơn, góp phần tăng thêm tính hấp dẫn cho tác phẩm cải biên.

### 2.3. Cải biên ngôn ngữ thơ

Tác phẩm cải biên *Nam Kinh Bắc Kinh* được Đặng Lễ Nghi bổ sung những đoạn giảng giải đạo lí, viết lại bức thư bằng thơ thất ngôn, thêm bớt, thay thế từ cổ, diễn đạt lại các điển cố, điển tích để lời thơ dễ hiểu hơn. Tuy nhiên, tác giả vẫn sử dụng lại một số điển cố, điển tích quen thuộc để diễn đạt ý nghĩa chính của tác phẩm. Đặng Lễ Nghi chọn lọc các điển cố, điển tích có sức gợi cao, làm cho người đọc hình dung một cách đầy đủ và tương đối chính xác những điều tác giả muốn diễn tả. Sử dụng điển cố không chỉ đơn thuần là một phương tiện, cách thức ngắn gọn để chuyển tải một nội dung, một ý tưởng của tác giả mà nó còn trở thành một biện pháp nghệ thuật của văn chương. Người sáng tác văn học khi đưa điển cố vào trong tác phẩm của mình không chỉ đơn giản là việc sử dụng đúng mà còn hay, chuẩn xác để diễn đạt đầy đủ nhất cho người tiếp nhận tác phẩm ấy.

Người đọc muốn hiểu được ý nghĩa của điển cố đòi hỏi phải có vốn kiến thức sâu rộng, có sự am hiểu sâu sắc về những vấn đề, những chuyện xưa tích cũ được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Vì vậy, để phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người đọc lúc bấy giờ, Đặng Lễ Nghi đã thay thế hầu hết các điển cố, điển tích, từ cổ gây khó hiểu bằng từ, ngữ dễ hiểu hơn.

Đặng Lễ Nghi không dùng lại điển cố “Quảng Hàn” mà thay thế bằng cụm từ “sầu tình chứa chan”. Sự thay đổi này vừa giúp người đọc dễ hiểu vừa diễn đạt tâm trạng cô đơn, buồn bã của thái tử Bắc Kinh khi phải kết nghĩa vợ chồng cùng một người tầm thường, kém duyên. Đây thực sự là bi kịch trong tâm hồn thái tử. Từ nỗi thất vọng về người vợ, chàng tự thu mình trong sự cô đơn, lạnh lẽo của chính mình.

Tương tự, tác giả truyện thơ Nôm sử dụng điển “Châu Trần” ý muốn chỉ cuộc hôn nhân cân xứng của hai bên trai gái - tức cuộc hôn nhân giữa thái tử Bắc Kinh và công chúa. Tuy nhiên, tình huống trong tác phẩm không phải thái tử Bắc Kinh kết duyên với công chúa Quỳnh Nga, vì nàng đã bị đánh tráo bởi Ngọc Chân – con gái mù vú, điển *Châu Trần* được dùng ở đây có ý nghĩa đối lập so với hoàn cảnh thực tại trong tác phẩm. James Liu trong *Nghệ thuật thơ ca Trung Hoa* cho rằng: “Thỉnh thoảng thay vì đưa ra một sự tương thích giữa sự kiện trong quá khứ và sự kiện hiện tại trong văn thơ thì điển cố có thể mang đến sự đối lập. Hiệu quả có thể bi, hài hoặc châm biếm, tùy vào trường hợp” (Liu, 1962, p.133). Vì vậy, Đặng Lễ Nghi dùng từ “giao hòa” có nghĩa là thành vợ chồng để thay cho điển cố “Châu Trần”, giúp người đọc dễ hiểu và phù hợp với tình huống xảy ra.

Đặng Lễ Nghi sửa lại nhiều từ cổ trong truyện thơ Nôm, thay thế cách dùng từ, cách diễn đạt mới để lời thơ dễ hiểu hơn, gần gũi với người đọc đầu thế kỉ XX. Chẳng hạn trong câu “*Mới hay thảo mộc sầu người, Đòi ngàn hoa thảo chẳng sai lòng vàng*”, truyện thơ Nôm dùng cụm từ “chẳng sai lòng vàng”, ý nói thảo mộc cũng buồn vì tiêu lão ra đi, cỏ cây không mất đi tình thương tiếc dành cho người tốt. Tuy nhiên, cách dùng cụm từ “chẳng sai lòng vàng” gây người đọc khó hiểu, vì thế Đặng Lễ Nghi diễn đạt lại bằng từ ngữ dễ hiểu hơn:

*Mới hay thảo mộc sầu người.*

*Đòi [đòi] ngàn huê thảo chẳng tươi, xụ tàn.*

(Dang, 1915, p.12)



Việc chọn lọc, thay thế từ ngữ của Đặng Lễ Nghi chủ yếu làm rõ nghĩa những điển cố, những từ cổ để người đọc đầu thế kỉ XX có thể dễ dàng tiếp nhận. Tuy nhiên, không phải tất cả những thay đổi của Đặng Lễ Nghi đều là đóng góp có giá trị, đôi chỗ tác giả đã làm mất nghĩa, lệch nghĩa và mất tính chất thời đại của tác phẩm có trước.

Trong truyện Nôm có câu: “Tay chun [chân] chuyển động, thông dong dậy ngòi” (Nguyen, 2013, p.84), từ “thông dong” được Huinh-Tịnh Paulus Của giải thích nghĩa trong *Đại Nam Quốc âm tự vị* là “thông thả, không phải câu thúc” (Huinh, 1895, p.242). Theo đó, nghĩa của câu thơ trên là tay chân tiêu lão cử động trở lại, rồi ngòi dậy thông thả, không có biểu hiện mệt của người từ “cõi chết trở về”. Đặng Lễ Nghi thay thế từ “thông dong” thành “dung nhan” nghĩa là “mặt mày, vẻ xinh tốt” (Huinh, 1896, p.121), vô tình làm mất nghĩa câu thơ và kết hợp kém hay hơn so với truyện Nôm.

*Lão tiêu có nước ngọc cam,  
Tay chon [chân] chuyển động dung nhan dậy ngòi.*

(Dang, 1915, p.12)

Ngoài nội dung chuyển tải những bài học nhân sinh sâu sắc, *Nam Kinh Bắc Kinh* của Đặng Lễ Nghi còn đi vào lòng người và đọng lại trong tâm hồn mỗi chúng ta về những hình mẫu con người lí tưởng, lung linh những nét đẹp phẩm giá đáng trân trọng. Tác phẩm còn có giá trị rất lớn về cách dùng từ, sử dụng điển cố, góp phần làm cho câu văn thêm ý tứ, nhẹ nhàng, gọn gàng, chặt chẽ và có sức thuyết phục cao, tạo nên sức sống lâu bền cho tác phẩm.

Tác phẩm cải biên của Đặng Lễ Nghi không chỉ sửa lại từ ngữ, diễn đạt lại ý thơ, mà còn góp phần “đặt” 44 câu thơ thất ngôn tóm tắt toàn bộ nội dung tác phẩm và viết thêm một đoạn gồm 16 câu thơ lục bát ở cuối tác phẩm để giảng giải đạo lí, khuyên răn người đời tránh xa cái xấu, cái ác, đồng thời tích cực làm nhiều điều tốt để hưởng phước dài lâu.

*Truyện này có ý nhắc ta,  
Thiện tâm chớ khá gian tà bất nhơn.  
Cho hay trời đất chẳng hờn,  
Dữ làm trả dữ theo chon chẳng chầy.*

(Dang, 1915, p.23)

Ở bức thư vua Bắc Kinh gửi vua Nam Kinh, Nguyễn Bá Thời kế thừa Đặng Lễ Nghi ý thơ và hình thức thơ thất ngôn, tuy ý tứ rất giống nhau nhưng lời thơ có nhiều thay đổi và được rút gọn từ 44 câu thơ còn 32 câu thất ngôn.

*Nam Kinh Bắc Kinh* được Khấu Võ Nghi viết lại dựa trên tác phẩm có cùng nội dung ra đời trước đó. Có ba tác phẩm *Nam Kinh Bắc Kinh* được xuất bản trước tác phẩm của Khấu Võ Nghi: một là truyện thơ Nôm *Nam Kinh Bắc Kinh truyện*, hai là truyện thơ Quốc ngữ của Đặng Lễ Nghi và ba là truyện thơ Quốc ngữ của Nguyễn Bá Thời (1933). Tuy tác phẩm cải biên có kết cấu, tình tiết, diễn biến và kết thúc câu chuyện khác với những tác phẩm đã có trước đó nhưng căn cứ lời thơ, chúng tôi xác định Khấu Võ Nghi viết lại *Nam Kinh Bắc Kinh* chủ yếu dựa trên truyện thơ Quốc ngữ của Đặng Lễ Nghi.

Tác giả cải biên đã viết lại toàn bộ tác phẩm, diễn đạt bằng ngôn ngữ cá nhân và thay đổi nội dung tác phẩm theo ý kiến chủ quan của họ nhưng đôi chỗ vẫn giữ lại vài câu, dùng lại chữ dùng của Đặng Lễ Nghi, như câu thơ “Thái tử thì chẳng có sang/ Đâu biết công chúa

dung nhan như hà” (Khau, 1939, p.6). Từ “như hà” trong câu thơ trên do Đặng Lễ Nghi dùng để thay cho từ “dường nào” trong tác phẩm truyện thơ Nôm. Ở chỗ khác, Đặng Lễ Nghi đã dùng từ “nghe” thay cho từ “tiếng”, từ “thì” thay cho từ “tuy” và “lập đường giao lân” thay cho “giao lân kính nhường” để đưa câu thơ rất đắt của truyện thơ Nôm đến gần với người đọc hơn nhờ ngôn ngữ mộc mạc, dễ hiểu:

*Nghe đồn thái tử Bắc Kinh,  
Mặt thì chưa thấy mà tình con thương.  
Dươn [duyên] trời đã định tào khương [khang],  
Xin cho hai nước lập đường giao lân.*

(Dang, 1915, p.6-7)

### 3. Kết luận

Dựa vào truyện Nôm *Nam Kinh Bắc Kinh truyện*, Đặng Lễ Nghi viết lại tác phẩm bằng chữ Quốc ngữ và xuất bản hàng loạt để đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của người dân Nam Kỳ lúc bấy giờ. Tuy nội dung cốt truyện vẫn giữ nguyên như truyện Nôm nhưng tác giả đã có công rất lớn trong việc cải biên hình thức ấn phẩm và ngôn ngữ thơ. Tiếp nối tác phẩm cải biên của Đặng Lễ Nghi, tác phẩm *Nam Kinh Bắc Kinh* của Nguyễn Bá Thời đã có những đóng góp rất có ý nghĩa trong việc xây dựng hình tượng nhân vật. Tác giả sửa chữa, thêm bớt một vài tình tiết, một số câu thoại để thay đổi tính cách của công chúa Quỳnh Nga trở nên mạnh mẽ, chủ động và dứt khoát hơn trong hành trình vượt qua khó khăn, thử thách để tìm kiếm hạnh phúc cho bản thân.

So với hai tác phẩm của Đặng Lễ Nghi và Nguyễn Bá Thời, tác phẩm cải biên của Khấu Võ Nghi có nhiều thay đổi về nội dung cốt truyện, lời thơ và hình thức xuất bản. Tác giả thêm bớt, thay đổi trật tự nhiều tình tiết, giảm bớt yếu tố thần kì, thay thế nhân vật phù trợ là lực lượng siêu nhiên bằng nhân vật có thật trong cuộc sống, phát triển và kết thúc câu chuyện theo hướng khác gần gũi với cuộc sống đời thực hơn so với những tác phẩm có trước. Ngoài ra, phong trào nói thơ đang phát triển mạnh mẽ ở Nam Kỳ vào thập niên 30 của thế kỉ XX. Tác phẩm của Nguyễn Bá Thời ra đời trong giai đoạn này (1933) nên mang dấu ấn của hình thức diễn xướng nói thơ. Trừ những đoạn hát nam, hát khách, trước khi bắt đầu những câu thơ lục bát, người ta đều in hoa chữ “NÓI THƠ” như một cách chú thích, giúp độc giả dễ dàng diễn xướng. Theo chúng tôi, Nguyễn Bá Thời soạn mới *Nam Kinh Bắc Kinh* bằng cách kể ngắn gọn, súc tích, giảm 390 câu lục bát so với tác phẩm có trước là nhằm giúp nghệ nhân diễn xướng dễ nhớ và nhanh thuộc hơn.

#### TƯ LIỆU KHẢO SÁT

- Dang, L. N. (1915). *Nam Kinh Bac Kinh* (lan xuất ban 2) [*Nanjing Beijing*, (2<sup>nd</sup> ed.)]. Impr. de L'Union.
- Khau, V. N. (1939). *Nam Kinh Bac Kinh* (lan xuất ban 2) [*Nanjing Beijing*, (2<sup>nd</sup> ed.)]. Xua Nay Printing house.
- Nguyen, B. T. (1933). *Nam Kinh Bac Kinh* (lan xuất ban 1) [*Nanjing Beijing*, (1<sup>st</sup> ed.)]. Pham Dinh Khuong Printing house.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Huỳnh, T. P. C. (1895). *Dai Nam Quac am tu vi*, tập 1 [*Vietnamese Dictionary: Dai Nam Quac am tu vi*, vol. 1]. Imp. Rey, Curiol & C<sup>ie</sup>.
- Huỳnh, T. P. C. (1896). *Dai Nam Quac am tu vi*, tập 2 [*Vietnamese Dictionary: Dai Nam Quac am tu vi*, vol. 2]. Imp. Rey, Curiol & C<sup>ie</sup>.
- Kristeva, J. (1986). *The Kristeva Reader*. Columbia University Press.
- Liu, J. (1962). *The Art of Chinese Poetry*. University of Chicago Press.
- Nguyen, N. (2006). Tu Chua Dan den Me Thao - lien van ban trong van chuong va dien anh [From Chua Dan to Me Thao – Intertextuality in literature and film]. *The Journal of Literary studies*, 12, 114-146.
- Nguyen, V. S. (2013). *Ma long toi thuong tuc Tho Nam Kinh Bac Kinh* [But my heart hurts, Nanjing Beijing Poetry]. Five Star Printing. 10322 Trask Ave, # Garden Grover, CA 92843.
- Oxford Dictionary of English*. (2010). Oxford University Press.
- Rjanskaya, L.P. (2007). *Lien ket van ban – Su xuat hien của khai niem ve lich su và ly thuyet của van de* (Dich boi Ngan Xuyen) [Intertextuality - the emergence of the notion on its history and theory, translated by Ngan Xuyen]. <https://taodan.com.vn/lien-van-ban-su-xuat-hien-cua-khai-niem-va-lich-su-cua-ly-thuyet.html>

## NAM KINH BAC KINH: A ROMANIZED VERSE-NARRATIVE FROM SOUTHERN VIETNAM ADAPTED FROM TRADITIONAL SCRIPTS

**Duong My Tham**

HUTECH University, Vietnam

Corresponding author: Duong My Tham – Email: dm.tham@hutech.edu.vn

Received: March 14, 2025; Revised: April 17, 2025; Accepted: April 28, 2025

### ABSTRACT

Nam Kinh Bac Kinh is a verse-narrative written in Vietnamese Romanized script in Southern Vietnam, adapted from the Nom narrative poetry entitled The Story of Nam Kinh Bac Kinh and other Romanized verse-narratives previously published in the region. This study examines three Romanized versions of Nam Kinh Bac Kinh, published by Dang Le Nghi, Nguyen Ba Thoi, and Khau Vo Nghi, through the lens of adaptation theory. By analyzing the publication formats, narrative structures, and poetic language of these adaptations in comparison with the original Nôm work, the paper highlights how these texts reflect both continuity and transformation. The findings emphasize the creative reinterpretation evident in the Romanized adaptations and highlight their cultural significance in introducing new values relevant to the era of adapted works.

**Keywords:** adaptation; Southern Vietnam; verse-narrative; Vietnamese Romanized script